

QUYỀN 35

Nói về pháp môn này là nói không có thủ chung không định phương sở cũng không có thời phần, vì thời không có thời mà lý không gián đoạn, xứ không có xứ mà nói khắp mười phương, nên tất cả Phật pháp đều ở khắp vô tận thế giới, thường chuyển vô tận pháp luân khiến cho chúng sinh trở về nguồn cội, tận cùng vị lai không dừng nghỉ. *Hoa Nghiêm Sớ* nói: “Tâm thâm hợp chí đạo xưa nay vẫn là một, pháp giới vô sinh vốn không thời phần”. Cho nên kinh có bài tụng: “Chư Phật đắc bồ-đề, không tính kể thời gian”.

Lại nói: Pháp môn viên giáo này nhờ hội duyên mà vào thật thể nên có hai thứ: Một là lấy gốc thân ngọn vì Thánh giáo từ chân như lưu xuất nên chẳng khác chân như. Hai là hội tướng hiển tính, nghĩa là tất cả giáo pháp sai biệt theo duyên vô tính là chân như, cho nên tướng hư huyền dứt hết, chân tính hiển hiện, lời nói Như Lai đều thuận theo chân như.

Cho nên *kinh Kim Cương Tam-muội* nói: “Như Lai nói nghĩa ngữ chẳng phải văn, chúng sinh nói văn ngữ chẳng phải nghĩa”.

Lại thể lý sự vô ngại, nghĩa là tất cả giáo pháp, tuy cả thể tức chân nhưng chẳng ngại sự tướng mười hai phần giáo hiển hiện rõ ràng. Tuy chân như cả thể là tất cả mà chẳng ngại nhất vị trạm nhiên bình đẳng.

Một thừa ba thừa, một tính năm tánh, đứng về cơ thì ba, đứng về pháp thì một, mới huân thì năm, sẵn có thì không hai. Nếu nhập lý cùng quét sạch thì ba một đều mất. Nếu căn cứ theo hóa nghi của Phật thì có thể ba, có thể một. Thế nên dù tranh chấp thị phi vẫn không chống trái. Năm bộ Đại tập tuy khác nhau mà không lìa cội nguồn pháp giới, niết-bàn đều nói thân nhân nơi Phật thừa nhận không gì chẳng phải chính thuyết. Căn cơ Tông Cảnh thuộc viên giáo thì viên căn tuy đối đại tiểu nhưng lại bao gồm, cho nên tiên đức nói: “Biển giáo rộng sâu bao hàm tất cả, sắc không chiếu rọi đức dụng trùng trùng”, nói nó gồm thân năm giáo cho đến bao trùm cả nhân thiên nên hiển bày sự sâu rộng, cũng như trăm sông không

chứa được biển cả, biển cả tất nhiên bao gồm trăm sông. Tuy chứa trăm sông mà đồng một vị mặn, cho nên tuy một giọt khác hẳn trăm sông. Bốn giáo trước chẳng bao gồm được viên giáo, viên giáo hẳn bao gồm bốn giáo. Tuy bao gồm bốn giáo, viên giáo xuyên suốt hết cả, cho nên thập thiện ngũ giới cũng thuộc viên giáo.

Nương vào Tông Cảnh, nếu căn cứ giáo lý chỉ dựa vào nhất tâm thì giáo nào chẳng phải tâm, tâm nào chẳng phải giáo. Các kinh đều lấy nhất tâm chân pháp giới làm thể, mười hai phần giáo Như Lai nói đều từ trong đại bi tâm lưu xuất, đại bi tâm từ hậu đắc trí, hậu đắc trí từ căn bản trí, căn bản trí từ pháp giới thanh tịnh lưu xuất, tức là cội nguồn chẳng có chỗ bắt đầu, chẳng có một pháp là pháp giới mà có. *Kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

Chưa hề có một pháp.

Được là nơi pháp tính

Đây là nguồn gốc mê ngộ của chúng sinh. Nếu không mê cái này thì chẳng thành mê, vì không điên đảo chấp trước luân hồi sinh tử. Nếu không ngộ cái này thì chẳng thành ngộ, vì không tu hành đúng như pháp để chứng quả. Do đó nhất tâm chân như là chỗ y cứ của mê ngộ.

Căn bản của sự lập giáo không ra ngoài ý ngôn, dùng ý thuyên lượng, đem lời khai diễn, cho nên ngài Khuy Cơ nói: “Chí lý lặng lẽ lời thị phi dứt, Bát-nhã u huyền tình lự nhất dị bất”. Dứt tình lự nên phi thức phi tâm; bất ngôn luận nên phi thanh phi thuyết. Pháp không nói năng mà nói khắp trần sa, lý không thức tâm mà tâm trùm pháp giới. Tâm trùm pháp giới là phi tâm tác tâm, nói khắp trần sa là không nói mà nói. Phi tâm tác tâm, tâm có hai thứ; không nói mà nói, nói có hai môn.

Tâm có hai môn:

1- Sinh diệt môn: Như ba cõi tuần hoàn đều là vọng thức, bốn loài trôi nổi đều là uế tâm, vinh nhục nhanh như ánh chớp, cổ kim chóng hơn gõ nhịp, đây là sinh diệt môn.

2- Chân như môn: Như tịnh thức ma-la lạng lẽ như thái hư, minh châu Phật tính rạng rỡ như vàng trắng, ẩn hiển tuy khác song trong ngoài càng sáng, duyên phân nhiệm tịnh mà pháp thân lạng lẽ, đây là chân như môn.

Thuyết có hai môn:

1- Căn cơ đại thừa lãnh thụ pháp thì giáo nói mãn thừa.

2- Bậc tiểu Thánh nghe tư duy thì tạng khai bán tự.

Hòa thượng Thần Khải nói: Nguyên do khởi giáo là Như Lai một đời nói pháp muốn cho chúng sinh ngộ Phật tri kiến. Phật tri kiến chính là chân tâm bình đẳng, các pháp không hai. Pháp không hai là thật tính. Thể của thật tính là hữu là vô, chẳng sinh chẳng diệt, lý tự hằng chân, chẳng do quán trí hiển hiện, đạo thường hiển lộ không từng bị ngăn che.

Chân tâm bình đẳng, nếu theo Pháp tướng tông thì chân tức là trí, dùng trí chứng chân ba thừa không khác, đây là y chủ thích; nếu theo Pháp tính tông thì chân là tâm, thể đồng tên khác, chân tâm là bình đẳng, đây là trì nghiệp thích. Cho nên kinh nói: “Nê-hoàn chân pháp bảo chúng sinh từ nhiều cửa đi vào”. Nhiều thứ cửa là đạo duy nhất năng thông sở thông.

Lại nói: Kinh nói môn bất đồng, hoặc lấy văn tự làm môn, kinh Đại Phẩm nói bốn mươi hai tự môn. Hoặc lấy quán hạnh làm môn. *Thích luận* nói Bồ-tát tu ba thứ tam-muội duyên các pháp thật tướng. Hoặc lấy trí tuệ làm môn, *kinh Pháp Hoa* nói môn trí tuệ khó hiểu khó vào.

Hoặc lấy lý làm môn, kinh Đại Phẩm nói pháp vô sinh không đến không đi tức là Phật. Y giáo môn thông quán, y quán môn thông trí, y trí môn thông lý. Lý làm môn còn thông chỗ nào? Các môn giáo quán trí v.v... đều dựa vào lý, năng y là môn thì sở y sao lại chẳng phải môn. Tuy không chỗ thông, rốt ráo thông khắp là diệu môn thì cửa của mọi điều huyền diệu là sở y của chân tâm.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Ví như mặt trời vừa mọc trước hết chiếu soi núi cao, mặt trời dụ cho Phật, ánh sáng dụ cho thuyết

giáo. Mặt trời là vô duyên từ chẳng phải xuất hiện mà xuất hiện tùy ứng hợp các căn cơ chẳng phải chiếu mà chiếu, nói Hoa Nghiêm như núi cao, nói Phương Đẳng như mặt trời buổi sáng, nói Bát-nhã như mặt trời buổi trưa, nói Pháp Hoa như mặt trời đứng bóng, nói Niết-bàn như đất bằng.

Bồ-tát được ánh sáng Bát-nhã là dụng của các pháp, hàng Nhị thừa không có dụng này. Như trẻ con mới sinh được bảy ngày nếu nhìn ánh sáng mặt trời thì mắt sẽ mù, vì vô minh hoàn toàn do nơi mắt ánh sáng trí tuệ. Ngoại đạo hồ đồ chứng đắc giống như đi trong đêm tối, vì chưa được sự chiếu soi của chính giáo. Bồ-tát lợi tha như làm việc giữa ban ngày. Nhưng đất bằng núi cao cùng được mặt trời chiếu soi, tiểu căn đại khí đều nhờ ánh sáng giáo lý. Căn cứ năng chiếu thì không có cạn sâu, còn theo sở chiếu tự chia ra trước sau, như cùng được ban cho chiếc xe lớn, một trận mưa thấm nhuần khắp, đạo dứt thì chung, lý không thiên lệch. Nếu được ánh sáng nhất thừa Tông Cảnh, đại tuệ bình đẳng tự tha đều lợi, không còn gì sai biệt. Cho nên *Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Ví như có người lấy thuốc độc bôi lên mặt trống, giữa đại chúng liền đánh trống lên, người nào nghe xa gần đều chết; chỉ có một người không chết đó là nhất-xiển-đề”. Vừa nghe liền phá vô minh hoặc gọi là ở gần chết. Chưa nghe liền lợi ích làm nhân cho hậu thế gọi là ở xa chết.

Chỉ Quán giải thích: Tâm tính là chính nhân của tất cả chúng sinh ví như sữa, nghe pháp liễu nhân gọi là đánh thuốc độc. Chính nhân chẳng mất như bốn tố chất trong sữa, năm vị tuy biến đổi mà bốn tố chất còn mãi. Thế nên thuốc độc tùy theo bốn tố chất mà mỗi vị đều giết người. Tâm tính chúng sinh cũng thế, chính nhân không hoại, thuốc độc liễu nhân tùy theo sự gấp gáp mà phát tác khắp nơi, hoặc lý phát, giáo phát, hạnh phát, chứng phát. Như bậc lợi căn Bích-chi Phật, dù không có Phật xuất thế căn cơ thuận thực tự nhiên được ngộ, lý phát cũng thế. Nhiều đời trồng căn lành, dù đời nay chẳng nghe viên giáo song thuốc độc do nhậm vận tự phát. Nếu nghe nói mặt trời Hoa Nghiêm chiếu soi núi cao liền được ngộ,

đây là giáo phát. Nghe rồi tư duy, tư duy liền ngộ, đây là quán hạnh phát. Nếu là sáu căn thanh tịnh tiến đến phá vô minh, đây là tương tự chứng phát. Nếu kiến đạo tồn sinh cũng là chứng phát.

Nay y theo Hoa Nghiêm lập năm giáo, Thiên Thai lập bốn giáo, cho đến tám giáo. Như Hoa Nghiêm nhất tâm lập năm giáo căn cứ vào thức mà luận:

1- Tiểu thừa giáo chỉ có sáu thức lại-da, chỉ được tên mà thôi.

2- Đại Thừa thi giáo, chỉ được một phần nghĩa sinh diệt, vì chưa thông đạt chân lý, chỉ nói lặng dừng, chẳng tạo các pháp.

3- Đại thừa chung giáo, nơi lại-da được lý sự thông suốt, chẳng sinh diệt cùng sinh diệt hòa hợp, phi nhất phi dị, vì chân như tùy duyên mà tạo các pháp. Vì tịnh pháp sở huân và nhiễm pháp năng huân của a-lại-da sai biệt nên phi nhất; do năng huân sở huân chỉ là nhất tâm làm ra nên phi dị. Thi giáo căn cứ vào pháp tướng sai biệt môn mà nói, chung giáo căn cứ vào thể tương dung môn mà nói, là chân tâm đệ nhất nghĩa, nghĩa là Như Lai tạng tính nương theo đây mà có các loài v.v..

4- Đốn giáo: Tất cả pháp chỉ có một chân tâm, tướng sai biệt dứt, ly ngôn tuyệt lự không thể nói. Vì tất cả tướng nhiễm tịnh dứt, không có hai pháp để thể hội cho nên không thể nói, như Tịnh Danh hiển bày nhập pháp môn bất nhị.

5- Viên giáo: Căn cứ vào tính hải viên minh mà pháp giới sinh khởi, chỉ một pháp giới tính khởi tâm liền đầy đủ mười đức.

Hỏi: Tại sao nhất tâm theo các giáo có nhiều nghĩa sai biệt như thế ?

Đáp: Căn cứ vào pháp thông thấu, do sự thâm thâm này khởi lên nhất tâm có đủ năm nghĩa môn, tùy theo một hạnh nhiếp hóa chúng sinh: Một là tiểu thừa, nhiếp nghĩa tòng danh môn; hai là thi giáo, nhiếp lý tòng sự môn; ba là chung giáo, lý sự vô ngại môn; bốn là đốn giáo, sự tận lý hiển môn; năm là viên giáo, tính hải cụ đức môn. Năm nghĩa hiển bày chỉ là nhất tâm chuyên.

Bí Mật Nghĩa Ký ghi: Nay Phật tử, hãy lắng nghe! Ví như của báu trong nhà tối, vì không có ánh đèn nên người không biết, lỡ chạm nhầm liền cho là bị rắn độc cắn. Do làm lẫn nên khí độc vào thân, làm cho thân thể sưng vù đau đớn. Người trí thấy được liền đem đèn sáng đến cho kẻ bị rắn cắn thấy là của báu, trong thân khí độc liền tiêu trừ, vì được của báu ấy mà phi hành tự tại vô ngại, được người cung kính. Các điều ác đều nhờ tâm từ chuyển hóa dần khiến tâm ác tiêu diệt. Do không oán thù nên không sợ hãi. Vì không sợ hãi nên được an ổn khoái lạc. Hành giả cũng thế, do chẳng biết của báu ở trong nhà pháp tính mà trở thành tám muôn bốn nghìn trần lao; lại do biết gần gũi thiện hữu nghe pháp nên có thể chuyển trần lao thành tám muôn bốn nghìn đạo phẩm, trừ chấp trước tự nhiên, lại biết nhân duyên không, lại biết Phật tính thường trụ, lại biết đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, lại khai ngộ pháp giới duyên khởi, do đây tất cả pháp từ một nơi chẳng đến một nơi, hội tụ trong tịnh tâm. Do đó các phiền não và các tịnh tâm chẳng từ nơi khác đến, như trở bàn tay, người trí có gì hoài nghi ?

Lại trong thí dụ trên, của báu trong nhà tối là hiển bày pháp môn thanh tịnh, là đối trị nhiễm pháp. Đối trị có năm thứ:

1- Tiểu thừa giáo: Là đối trị ngoại đạo chẳng y theo duyên khởi, chấp tự nhiên.

2- Sơ giáo (thỉ giáo): Là đối trị Tiểu thừa do chấp nhân duyên, đây gọi là hữu vi duyên khởi.

3- Chung giáo: Là đối trị chấp các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã của Thỉ giáo. Đây gọi là vô vi duyên khởi. Do chân như tùy duyên nên gọi là vô vi duyên khởi.

4- Đốn giáo: Là đối trị luôn luôn khởi có ngôn thuyết của Chung giáo, tức là tự thể duyên khởi. Vì cùng nguồn tận tính, một niệm chẳng sinh nên gọi là tự thể.

5- Viên giáo: Là đối trị vắng lặng ngôn thuyết, chỗ tâm hành diệt, tất cả trở về nguồn tịch lặng, “thể không” tự tại, một tức tất cả, tất cả tức một v.v... của Đốn giáo. Pháp giới duyên khởi này, động

tính đầy đủ cho nên gọi là tính khởi. Viên dung vô ngại, lấy bỏ đều hết vì ba độc chính là Phật. Như hàng Tiểu thừa dù tùy khởi đối trị chỉ biết thức thứ sáu, vì không biết do tâm có các pháp. Nói tâm đó là tám thức tâm vương.

Lại Tiểu thừa chẳng biết thường lạc ngã tịnh, tâm là chủ của muôn pháp nên bất khả đắc như hư không do đó không thể đối trị. Tuy có pháp như thế song vì không biết nguyên nhân nên chẳng biết do tâm có muôn pháp. Vì không biết nguồn tâm nên chỉ được tiêu quả, đều diệt sắc chấp lấy không. Nếu chẳng diệt sắc chấp lấy không, biết sắc tức là không thì được vào Sơ giáo.

Theo Sơ giáo thì những pháp lần lượt sinh khởi như trên đều do thức biến hiện mà có, ngoài thức ra không thể có. Thức ở đây chính là thức thứ tám. Căn cứ thức tính cũng bất khả đắc, vừa chứng tâm này liền biết các pháp do nhân duyên sinh. Duyên sinh không có tự tính. Tuy chứng pháp này vẫn còn sát-na sinh diệt nên gọi là hữu vi, vì chúng chân như lặng lẽ.

Theo Chung giáo thì tất cả pháp chẳng ngoài nhất tâm. Nhất tâm như tính ướt của biển cả, dựa vào nhất tâm các pháp hiện hữu như sóng mồi của biển cả; tuy thu nhiếp sóng vào nước mà chẳng làm mất sóng; tuy sóng lăn tăn mà chẳng làm giảm tính lặng lẽ của nước. Cũng như thế tuy bao gồm muôn cảnh vào nhất tâm mà chẳng làm giảm muôn cảnh; tuy muôn cảnh lăng xăng cũng không làm giảm nhất tâm, vì sao? Vì có nhất tâm. Thế nên gốc chân bao gồm ngọn vọng, vọng thấu đạt nguồn chân, tính tướng dung thông, gốc ngọn bình đẳng. Tuy tự tính không sinh mà chẳng mất nghiệp quả, tuy chẳng mất nghiệp quả mà tự tính không sinh. Tuy được nhất tâm mà chẳng được vô tận cho nên chẳng được trùng trùng, gọi đó là nhất thật đế. Các giáo trên đây đều y theo giai vị thứ lớp nên gọi là tiệm giáo.

Theo Đốn giáo, nhất niệm chẳng sinh tức là Phật, vì sao? Tất cả các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự tịch diệt. Dưới từ chúng sinh, trên đến chư Phật, tất cả các việc làm đều như chiêm bao, cho

nên thành Phật độ sinh cũng như chiêm bao, chẳng biết nhiều trong một một trong nhiều, một tức nhiều, nhiều tức một v.v...

Theo Viên giáo, lấy thập thập vô tận hiển bày nghĩa kia, đem thập thập trùng trùng biện biệt tướng ấy. Tùy theo nêu một tướng làm chủ, vạn pháp làm bạn. Do chủ không ngại bạn, bạn không chướng chủ, cùng bao trùm pháp giới.

Hỏi: Như trên nói trùng trùng vô tận, vậy thì cái gì trùng trùng, cái gì vô tận, pháp gì rộng lớn, pháp gì viên dung, pháp gì bao hàm, pháp gì bí mật ?

Đáp: Đây là tâm tướng trùng trùng, tâm tính vô tận của tất cả phàm Thánh. Ấy là tâm rộng lớn, tâm viên dung, tâm bao hàm, tâm bí mật. Nếu không có nhất tâm này làm tông thì giáo môn không một pháp để tuyên hóa, chư Phật không một chữ để thuyết giảng. Hoàn toàn đã quy về tâm, có đủ tín căn, thấu rõ hoàn toàn không còn chút nghi hoặc; không thể chỉ dựa vào lời nói mà phải âm thầm tâm hành, chỉ cần dùng nước định lắng trong thì đèn tuệ càng sáng. Nếu chỉ theo sách vở, câu lý chấp giáo bàn tông thì cũng như vào biển đếm cát, đếm sao trên trời, trọn không thể thấy chân lý, cách đạo ngày càng xa. Người xưa nói: Như trời đất suốt ngày rầm rộ mà không đến chân lý. Thế nên người học đạo cần phải bỏ văn theo lý, ngồi thẳng lắng đọng tâm tư, dùng con mắt tâm mà tự nhìn, đây gọi là chuyên chú nhất cảnh, tu định làm nhân thù thắng.

Lại nói về ý nghĩa Viên giáo, gốc ngọn viên dung, lý sự vô ngại. Nói chân vọng thì phàm Thánh rõ ràng xen suốt; nói pháp giới thì lý sự rành rẽ tương thâm. Một bài kệ về Phật tri kiến khai thị không sót, một chương của Đại niết-bàn nói hết cả thể dụng. Như kinh Hoa Nghiêm ghi: “Không có chân như ngoài trí làm sở nhập của trí; cũng như không có trí ngoài chân như năng chứng chân như”. Lại nói: “Không có một chút pháp cùng pháp đồng trụ; vì đem tâm nhiếp cảnh thì không có cảnh ngoài tâm; đem cảnh nhiếp tâm thì không có tâm ngoài cảnh”.

Vì tính không hai, tướng tức là tính nên tướng tùy theo tính mà dung, tùy theo nhất mà nhiếp. Thế nên ngoài tính không có tướng thì pháp nào chẳng dung; trong lý lập sự thì môn nào chẳng nhập, có thể gọi rằng chạm mắt liền tỉnh giác, một niệm viên chứng.

Do đó *kinh Vô Lượng Nghĩa* ghi: “Vô lượng nghĩa từ một pháp sinh”. Một pháp đó là vô tướng. Cổ nhân nói: Đây là nghĩa xuất sinh. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Cứu cánh đến nhất thiết trí”, đây là pháp thâm nhập thì ba thừa vạn vật từ thật tướng sinh. Rốt ráo trở về nhất thật tướng thì trước sau không lìa nhất tâm, gốc ngọn đều ở chính vị.

Kinh Pháp Hoa nói: “Tín nhập thể tướng của tâm không khó, có thể biết gia nghiệp đại thừa, tiếp nối giống Phật”. Ban đầu thì một xuất vô lượng, sau đó thì vô lượng quy một. Nay thì vô lượng chẳng phải vô lượng, một cũng chẳng phải một, liền chứng Pháp Hoa tam-muội.

Lại tiên đức xem là giáo hải vì nó gồm các pháp, dụ như biển cả không có bờ mé nổi liền chân trời một màu hư không thấu đáy biển, biển cả ánh chiếu hư không. Đây chính là Viên giáo, bao gồm các giáo quy về chân, thấy đều không tịnh, lý sự vô ngại. Như sắc không giao chiếu, sắc chẳng ngại không, không chẳng ngại sắc; đức dụng trùng trùng liền “duy minh”, “duy thâm”. Đây đủ thập huyền môn trùng trùng vô tận là sự sự vô ngại, như mười đức biển cả bao trùm lẫn nhau, là tâm hải bao la không bờ bến. Do đó *Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni* có kệ:

*Một chữ diễn nói tất cả pháp,
Nhiều kiếp không bao giờ cùng tận,
Mỗi một tự môn cũng như thế,
Đây trụ nơi bảo khiếp chân ngôn.*

Pháp sư Đạo Sinh giải thích: Một điều thiện nhỏ trong kinh Pháp Hoa như chấp tay, cúi đầu đều đã thành Phật. Nói không gì chẳng phải Phật pháp là ý nghĩa Niết-bàn, cho đến kinh sách ngoại đạo cũng là Phật pháp, hướng là nội pháp ? Đại giáo và Tiểu giáo đều từ tâm đại bi của Như Lai lưu xuất, cho nên biết rằng không có

một pháp nào chẳng từ tâm nguyên tính không mà có, như nước chảy từ nguồn, như mây xuất hiện nơi hư không. Do vì mười phương Như Lai chứng tâm thành Phật, Phật tức là tâm sẵn có vạn thiện vạn đức bi trí nguyện hạnh, không gì chẳng từ tâm này lưu xuất. Lại căn cứ vào chương Kim Sư Tử nói về năm giáo:

1- Sư tử tuy là pháp nhân duyên niệm niệm sinh diệt, thật ra không có sư tử để được gọi là pháp của người ngu, đây là Thanh văn giáo.

2- Các pháp duyên sinh đều không có tự tính, triệt để chỉ là không, gọi là Đại thừa Sơ giáo.

3- Tuy triệt để chỉ là không, nhưng rõ ràng chẳng ngại huyễn pháp. Hai tướng: Duyên sinh và huyễn hữu cùng tồn tại, gọi là Đại thừa Chung giáo.

4- Hai tướng sư tử và vàng đoạt nhau cùng mất tình, nghĩa là chẳng tồn tại, đều vô lực, không hữu đều bất, đường danh ngôn tuyệt, không tâm nương gá gọi là Đại thừa Đốn giáo.

5- Pháp tình tận thể lộ trộn thành một khối, đại dụng hưng khởi hẳn phải toàn chân, vạn tượng đầy đặn xen kẽ nhau mà không tạp, tất cả là một đều đồng vô tính, một là tất cả nhân quả rõ ràng, lực dụng tương thâm, linh hoạt tự tại gọi là nhất thừa Viên giáo, đây gọi là tối thượng thừa.

Kế đó Thiên Thai lập bốn giáo:

1- Tạng giáo: Nói về lý nhân duyên sinh diệt tứ đế, chủ yếu giáo hóa Tiểu thừa, một phần giáo hóa Bồ-tát.

2- Thông giáo: Ba hạng người cùng vãng theo, nói về lý tứ đế vô sinh, nhân duyên tức không, chủ yếu giáo hóa Bồ-tát, một phần giáo hóa Nhị thừa. Trí đoạn hạnh vị nhân quả đều không, ba hạng người cùng chứng. Hai giáo tạng và thông này đều không biết chân tâm thường trụ, đều lấy tâm dứt tâm làm cực quả.

3- Biệt giáo: Còn gọi là Bất cộng giáo, nói về lý nhân duyên giả danh vô lượng tứ đế, chủ yếu giáo hóa Bồ-tát không giáo hóa hàng Nhị thừa. Nếu giáo khác biệt thì diễn bày đầy đủ Hằng sa Phật pháp

riêng cho Bồ-tát. Nếu lý khác biệt thì tạng thức có Hằng sa tục đế, cho đến trí đoạn hạnh vị nhân quả đều cùng với ba giáo sai khác. Tuy biết lý nhất tâm bất không vô tận ngày nay chưa đầy đủ còn chờ lần lượt sinh khởi, chấp giáo đạo mà chẳng dung, theo hành bố mà thành biệt.

4- Viên giáo: Nói về giáo lý nhân duyên tứ đế vô tác bất khả tư nghì, chủ yếu nói về trung đạo, tức là giáo lý viên mãn của tất cả pháp. Trí viên thì một thành tất cả thành, đoạn viên thì chẳng đoạn mà đoạn, hạnh viên thì nhất tâm đầy đủ vạn hạnh, vị viên thì một địa đầy đủ tất cả địa, nhân viên thì hai đế cùng chiếu, tự nhiên chảy vào biển tát-bà-nhã, hóa viên thì diệu giác đầy đủ ba đức bất tư nghì, tức một niệm tâm đầy đủ pháp giới.

Căn cứ vào quán tâm nói về tứ giáo, *Tịnh Danh Sớ* nói: “Nay chỉ luận về tác dụng của tâm hành, biết tất cả giáo môn đều từ tâm quán hạnh ban đầu khởi, tứ giáo đã bao gồm tất cả kinh giáo. Nếu nhất niệm quán tâm phân minh có thể phân biệt nhất niệm vô minh do nhân duyên sinh ra, tứ biện rõ ràng thời tất cả đại ý kinh giáo đều căn cứ vào quán tâm mà thông đạt”.

Thứ nhất căn cứ quán tâm nói về tam tạng giáo, là quán tâm nhất niệm do nhân duyên sinh, sinh diệt phân tích giả để vào không, căn cứ quán môn khởi tất cả tam tạng giáo. Nếu quán tứ đế sinh diệt nhập đạo là kinh tạng. Cho nên *kinh Tăng Nhất A-hàm* nói: “Phật bảo các tỳ-kheo tất cả pháp chỉ là một pháp. Thế nào là một pháp? Tâm là một pháp, lìa tâm không có tất cả pháp”. *Luận Trí Độ* nói: “Từ lúc bắt đầu chuyển pháp luân đến nhập niết-bàn, kết tập kinh tạng, đây chỉ là căn cứ tâm sinh diệt nói về tứ Thánh đế, là nghĩa pháp quy pháp bản. Quán tâm lưu xuất tất cả luật tạng, lúc Phật chế giới hỏi các tỳ-kheo tâm ông nghĩ gì? Nếu có tâm tạo tác là phạm giới. Vì có phạm nên có trì, nếu không có tâm tạo tác thì không gọi là phạm; cái nghĩa vi phạm chẳng thành, cho nên từ tâm phát sinh giới, không tâm thời không có giới. Nếu nói từ tâm phát ra luận tạng thì bốn quyển lược nói gọi là Tỳ-đàm tâm, trong

Đạt-ma-la gọi là tạp tâm. Trên đây đều là căn cứ vào tâm để luận bàn. Thắng luận là phân biệt các tâm và tâm số pháp, tất cả pháp không thể so sánh.

Thứ hai căn cứ quán tâm nói về thông giáo, quán tâm do nhân duyên sinh ra tất cả pháp, tâm không thì tất cả pháp không, đây là thể hội giả để vào không. Tất cả nhân quả hạnh vị do thông giáo thuyết minh đều phát khởi từ đây.

Thứ ba căn cứ quán tâm nói về biệt giáo, quán tâm do nhân duyên sinh nên là giả danh, đầy đủ tất cả Hằng sa Phật pháp, y theo vô minh a-lại-da thức phân biệt vô lượng Thánh đế. Tất cả nhân quả hạnh vị do biệt giáo thuyết minh đều phát khởi từ đây.

Thứ tư căn cứ quán tâm nói về viên giáo, quán tâm do nhân duyên sinh đầy đủ tất cả mười pháp giới. Pháp không tích tụ lý nhị đế trung đạo bất tư nghi. Tất cả nhân quả hạnh vị do viên giáo thuyết minh đều phát khởi từ đây.

Bốn giáo như hạt minh châu trên danh Luân vương đều từ nhất niệm vô minh tâm khởi. Trên đây đôi khi dẫn kinh Hoa Nghiêm nói về phá vỡ hạt bụi lấy ra quyền kinh lớn bằng tam thiên đại thiên thế giới nhằm ý này.

Lại căn cứ bốn giáo đốn, tiệm, bất định, bí mật lập ra tám giáo:

1- Đốn giáo: Như Hoa Nghiêm không có Thanh văn thừa cho nên gọi là đốn.

2- Tiệm giáo: Tức Tam tạng và Phương đẳng, Bát-nhã, tuần tự dẫn vào viên giáo.

3- Bất định giáo: Nghĩa là một lời nói mà có nhiều cách hiểu, hoặc nói đại mà được tiểu quả, hoặc nói tiểu mà được đại đạo nên gọi là bất định.

4- Bí mật giáo: Có hai thứ: một là hiển lộ bí mật nghĩa là cùng một pháp hội mà nghe khác nhau chẳng đặc đạo, kết quả chẳng biết nhau nên gọi là bí mật. Hai là bí mật bí mật, chỉ có Phật mới chứng, thậm giúp chúng sinh khai ngộ, không thể chỉ dạy. Gộp chung bốn giáo trên thành tám giáo.

Lại giáo chia ra năm vị. *Thích luận* nói: Ngài Ca-chiên-diên biết rõ lục độ có giới hạn mà đầy đủ, đây là hòa hợp tạp huyết của chúng sinh thành sữa. Đại Phẩm nói: Bồ-tát phát tâm tương ưng với tát-bà-nhã, đây là hòa hợp sữa thành lạc. Đại Phẩm nói: Bồ-tát phát tâm du hí thân thông thanh tịnh cõi nước Phật. Lại như trong kinh Tịnh Danh thì bậc được bất tư nghi giải thoát đều có thể hóa thân ngồi trên tòa sen lại còn có thể chịu đựng sự quất mắng, đây là hòa hợp lạc thành sinh tô đến thực tô. Đại Phẩm nói: Bồ-tát phát tâm liền ngồi dưới cội bồ-đề, thành Chính giác, chuyển pháp luân, độ chúng sinh, đây là hòa hợp thực tô thành đề-hồ.

Trên đây là lần lượt một khai một tiếp dẫn hạng tô lạc, sau đó là hội một quy một thành thực hạng đề-hồ, trọn không có pháp nào khác, nhưng lại linh động, bản tích tương thâm, cơ ứng thâm hợp.

Lại chia ra bán giáo và mãn giáo, tiêu thừa là bán, đại thừa là mãn; tam thừa là bán, nhất thừa là mãn. Như kinh Niết-Bàn nói về bán tự và mãn tự. Vì nói bán tự nên bán tự là hiển, mãn tự là ẩn. Nay nói mãn tự nên mãn tự là hiển, bán tự là ẩn. Đây là căn cứ duyên mà nói ẩn hiển. Theo phẩm Nguyệt Dụ thì phương này thấy một nửa vàng trắng, phương kia thấy trọn vàng trắng, nhưng chất của mặt trăng vốn không có khuyết đầy, tùy chỗ thấy mà có thêm bớt, đây chính là thuyết trong tông đại thừa.

Như pháp sư Trí Nghiễm biện luận theo tông nhất thừa Hoa Nghiêm, chẳng đợi nói và chẳng nói, thường bán mà thường mãn, ẩn hiển đồng thời như mặt trăng thường tròn mà thường khuyết, thêm bớt không sai khác như các pháp môn được Tông Cảnh ghi chép, ẩn thì nhất tâm vô tướng, hiển thì muôn pháp phơi bày, chẳng hoại trước sau mà đồng thời, thường ở một thuở mà trước sau, linh hoạt uyển chuyển. Cho nên biết dùng giáo lý soi sáng tâm, dùng tâm để sáng tỏ giáo, những gì chư Phật nói đều là tự tâm.

Phụ Hành Ký dẫn bài tụng kinh Hoa Nghiêm:

Chư Phật đều biết rõ,

Tất cả từ tâm chuyển,

*Nếu hiểu được như thế,
Người này thật thấy Phật.*

Luận Bảo Tánh nói: “Người có thân thông thấy Phật pháp diệt liền đem quyển kinh lớn bằng đại thiên giấu trong hạt bụi”. Hoa nghiêm ghi: “Lành thay, lành thay! Vì sao Như Lai ở trong thân mà ta chẳng hay biết, cho nên biết rõ tứ đế, thập nhị nhân duyên, tám muôn bốn nghìn pháp môn không ngoài nhất tâm”. Nếu biết được ý nghĩa này thì tám năm diễn nói Pháp Hoa là do nhất tâm, trải qua năm mươi kiếp nào động một sát-na! Như Phật một đời độ sinh đều từ tâm tính, Phật sự mười phương rõ ràng trước mắt, cho đến ba đức niết-bàn ở trong nhất tâm thì một bộ đại kinh tạng toàn nêu lên nhất tâm, vô biên giáo pháp gom lại trong một sát-na, trăm nghìn cành muôn lá cùng về một cội, tất cả các kinh đều nói một pháp.

Những lời nói về năm vị, tám giáo, bán mãn được dẫn tuy phân phán giáo lý một thời, song đều là nhất tâm dung nhiếp, nhất lý toàn thâm. Chia ra mà chẳng phải nhiều, tụ họp mà chẳng phải một, tan ra mà chẳng khác, họp lại mà chẳng đồng. Hằng sa nghĩa môn, vô tận tông thú đều hiện ra trong Tông Cảnh nhất thừa viên giáo. Do đó Cổ đức nói: Khế hợp với tâm sau đó dùng làm pháp. Nơi tâm là pháp, biểu lộ bằng lời nói là giáo. Pháp có tự tướng cộng tướng, giáo có già thuyên và biểu thuyên, cho nên biết rằng căn cứ theo sự có phân chia nhưng trên lý thì thường hợp, cho đến mở ra có Hằng sa pháp môn nhưng cứu cánh chẳng lìa ý chỉ nhất tâm. Nếu từ trong nhất tâm phương tiện khai thị tạo thành giáo tích tức là không thể quyết định thời phần quyền thật trước sau, cho nên Như Lai hóa độ chúng sinh phương tiện một thời không nên có những nhận thức cố chấp trái với chính pháp.

Pháp Hoa Huyền Nghĩa ghi: Căn cứ vào năm vị bán mãn tương thành, nếu chỉ bàn về năm vị như các sư phương Nam chỉ được phương tiện, nếu chỉ bàn về bán mãn như các sư phương Bắc chỉ được sự thật thôi. Nay nói năm vị chẳng lìa bán mãn, bán mãn chẳng lìa năm vị, năm vị có bán mãn thì có sự hiểu biết huệ phương

tiện; bán mãi có năm vị thì có sự hiểu biết phương tiện huệ, quyền thật cùng dạo chơi như chim có hai cánh. Tuy cùng dạo chơi mà vẫn có thể che dấu hành tung. Như Hoa Nghiêm đốn mãi gia nghiệp đại thừa chỉ nói về nhất thật không cần phương tiện, chỉ là mãi không có bán, đối với tiệm trở thành sữa. Như Tam tạng chỉ là phương tiện, chỉ có bán không có mãi, đối với tiệm trở thành lạc. Như Phương Đẳng phê phán quả trách thì bán mãi đối nhau, đem mãi bài xích bán, đối với tiệm trở thành sinh tô. Như Đại Phẩm tiếp nhận giáo theo bán luận mãi, bán thì gồm cả ba thừa, mãi thì chỉ riêng Bồ-tát, đối với tiệm trở thành thực tô. Như Pháp Hoa giao tài sản, bỏ bán nói mãi, nếu không có phương tiện bán tự điều phối thành thực độn căn thì không có mãi tự mở tri kiến Phật, đối với tiệm trở thành đề-hồ. Như Lai ân cần ca ngợi phương tiện, bán có công lao thành mãi, là nghĩa này.

Kế đến căn cứ vào quán phân biệt, Duy thức tông lập ra hai thứ quán, Hoa Nghiêm tông lập ra bốn thứ quán, Thiên Thai giáo lập ra ba thứ quán, Phổ Hiền môn lập ra mười thứ quán.

Hai pháp quán của Duy thức là duy tâm thức quán và chân như thật quán. *Kinh Tiến Thủ Đại Thừa Phương Tiện* nói: Nếu người y theo cảnh giới nhất thật tu tín giải cần phải học tập hai pháp quán: một là duy tâm thức quán, hai là chân như thật quán.

Học duy tâm thức quán nghĩa là quán sát vào mọi lúc mọi nơi sự tạo nghiệp của thân miệng ý đều biết chỉ là tâm; cho đến tất cả cảnh giới nếu tâm khởi niệm đều phải biết rõ, chớ để cho tâm vô ký hay phan duyên, không tự giác tri, nên quán sát từng tâm niệm phan duyên khiến tâm tự biết rõ ràng. Biết rõ nội tâm tự sinh tướng niệm, chẳng phải tất cả cảnh giới có niệm, có phân biệt. Nghĩa là nội tâm tự sinh vô lượng tướng dài ngắn, tốt xấu, phải trái, đượ mát, có không v.v... nhưng tất cả cảnh giới chưa hề có tướng phân biệt, cho nên tự chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tốt, chẳng phải xấu, cho đến chẳng phải có, chẳng phải không, xa lìa tất cả tướng.

Như thế quán sát tất cả pháp chỉ từ tâm tướng sinh. Là tâm thì không một pháp một tướng nào có thể tự thấy có sai biệt.

Chân như thật quán nghĩa là tư duy tâm tính không sinh không diệt, chẳng trụ thấy nghe hay biết, vĩnh viễn xa lìa tất cả tướng phân biệt.

Bốn pháp quán của Hoa Nghiêm căn cứ vào nhất tâm chân như pháp giới, đứng trên lý sự hành bố viên dung thành lập bốn thứ pháp giới, đổi lại bốn pháp giới này là bốn quán môn. Bốn quán môn này pháp bản như thị, y pháp mà quán nên gọi là quán.

1- Sự quán: Nghĩa là mê ngộ nhân quả, nhiệm tịnh rõ ràng.

2- Lý quán: Nghĩa là ngã pháp đều không, bình đẳng nhất tướng.

3- Lý sự vô ngại quán: Nghĩa là kia đây tương biến, ẩn hiển thành đọa, đồng thời vô ngại.

4- Sự sự vô ngại quán: Nghĩa là quán sự pháp bằng lý viên dung, tương tức tương nhập trùng trùng vô tận.

Nếu y theo quán nhất tâm vô ngại này, niệm niệm chính là pháp giới Hoa Nghiêm, niệm niệm chính là pháp giới Tỳ-lô-giá-na. Kinh nói: “Nếu quán hạnh được như thế thì ở trong các pháp chẳng sinh nhị giải, tất cả Phật pháp chóng được hiện tiền”.

Ba pháp quán của Thiên Thai giáo, *Tâm Quán Nghĩa* nói: Hoi thờ còn mạnh, có thể lường được ánh hồng ban mai đây là người được gần đạo. Để nói về nghĩa của diệu môn tam quán đưa đến chân lý nên tạm mượn đây làm dụ. Ngưỡng mộ Phật pháp vô biên, công lao to lớn không phải tìm cầu đâu xa, chỉ cần nương ở nhất tâm, thể nó có nguồn gốc, gồm nơi ba trí. Nếu mượn phương tiện sinh nhiều sai biệt, hội quy nhất đạo lạng lẽ mà song chiếu. Tam quán này xuất xứ từ kinh Anh Lạc, nói rằng từ giả vào không gọi là nhị đế quán, từ không vào giả gọi là bình đẳng quán. Song chiếu nhị đế tâm tâm tịch diệt, tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã. *Thiên Thai Sớ* hỏi: Tam quán đều chiếu nhị đế có sự đồng dị thế nào? Đáp: Quán thứ nhất tuy chiếu nhị đế mà phá dụng chẳng đồng; quán thứ hai cũng

chiếu nhị đế mà phá dụng bình đẳng, nhưng chưa thấy trung đạo, chỉ là dị thời bình đẳng; quán thứ ba thấy được trung đạo, song chiếu nhị đế, tức là đồng thời bình đẳng. Nếu tu quán tâm thì vẫn sử dụng phương tiện song vong song chiếu của hai quán trước.

Phương tiện song vong nghĩa là trước hết quán biết tục chẳng phải tục tức là tục không; kế đến quán biết chân chẳng phải chân tức là chân không. Chẳng phải chân chẳng phải tục là trung đạo; do hai thứ không này nhập trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán.

Nay nói về nhất tâm tam quán:

1- Nói về sở quán là cảnh giới bất tư nghì, tức là tâm nhất niệm vô minh lấy mười pháp giới do nhân duyên sinh ra làm cảnh. Tâm thân vi diệu này một niệm đầy đủ các tâm các pháp ba đời, như ngủ mê che tâm, trong một niệm mơ thấy tất cả các sự việc. Lúc đang nằm mơ thấy nhiều việc, như kinh Pháp Hoa nói mơ thấy vô lượng sự việc từ khi sơ phát tâm cho đến thành Phật, so với lúc tỉnh dậy nhìn lại chỉ là một niệm tâm ngủ mê. Tâm dụ cho tự tính thanh tịnh tâm, ngủ mê che tâm dụ cho vô minh, những điều chiêm bao dụ cho Hằng sa vô tri che lấp Hằng sa Phật pháp, việc chiêm bao chẳng thật lành dữ vui buồn dụ cho kiến tư hoặc che lấp chân không. Nếu không tìm hiểu kỹ càng những việc trong chiêm bao thì mọi hoài nghi không thể giải quyết vì vậy các kinh Đại Thừa phần lớn nói mười ví dụ. Nhưng các pháp sư không hoàn toàn dùng ví dụ, vì chỉ được một bên là cái không hư dối, chẳng thấy ví dụ về pháp tính vô lượng vô minh cho nên ý nghĩa cảnh tam đế chẳng thành.

2- Nói về năng quán: Nếu quán tâm nhất niệm vô minh này chẳng phải không, chẳng phải giả, tất cả các pháp cũng chẳng phải không, chẳng phải giả mà có thể biết tâm không giả tức chiếu soi tất cả pháp không giả. Đây là nhất tâm tam quán viên chiếu lý tam đế, chẳng đoạn si ái khởi mà giác ngộ giải thoát, như nước lắng trong hạt châu tự hiện, đây chính là quán hạnh.

3- Nói về chứng thành: Nếu chứng nhất tâm tam quán tức là nhất tâm tam trí ngũ nhãn. Nếu được lục căn thanh tịnh gọi là tương tự chứng, là địa vị Thập tín. Nếu phát chân vô lậu gọi là phần chứng chân thật là bậc Sơ trụ. Kinh nói: “Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu nhất thiết trí”. *Kinh Đại Phẩm* nói: “Bồ-tát từ sơ phát tâm liền ngồi đạo tràng, phải biết Bồ-tát ấy như Phật”. *Luận Trí Độ* nói: “Thật ra ba trí ở trong nhất tâm thành Phật, vì muốn cho người dễ hiểu cho nên lần lượt nói pháp”.

Có ba thứ tam quán: một là biệt tướng tam quán, hai là thông tướng tam quán, ba là nhất tâm tam quán.

1- Biệt tướng tam quán: Lần lượt quán riêng tam đế. Nếu từ giả vào không thì chỉ được quán chân chưa có thể quán tục hướng là được quán trung đạo. Nếu từ không vào giả thì chỉ được quán tục, chưa có thể quán trung đạo. Nếu vào chính quán trung đạo mới được song chiếu nhị đế.

2- Thông tướng tam quán: Khác với trên, từ giả vào không thì không chỉ biết tục giả là không, chân đế trung đạo cũng là không. Nếu từ không vào giả thì không chỉ biết tục giả là giả, chân không trung đạo cũng là giả. Nếu vào chính quán trung đạo thì không chỉ biết trung đạo là trung, mà tục chân cũng là trung. Đây là một không tất cả không, không giả không trung mà chẳng không; một giả tất cả giả, không trung không không mà chẳng giả; một trung tất cả trung không giả không không mà chẳng trung; chỉ dùng nhất quán đúng tên gọi thì tâm thông hiểu tất cả.

3- Nhất tâm tam quán: Biết một niệm tâm không thể được, không thể nói mà có thể quán đầy đủ tam đế. *Kinh Tịnh Danh* nói: “Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu nhất thiết trí”. Thế nên tại cảnh là một đế mà ba đế, tại tâm là một quán mà ba quán, tại quả là một trí mà ba trí, như một hạt châu, tướng hạt châu dụ cho hữu, châu trong suốt dụ cho không, viên minh dụ cho trung, ba thứ không có trước sau dụ cho một đế mà ba đế. Nếu dùng gương sáng chiếu soi thì ba nghĩa trên hạt châu đồng thời đôn hiện

là dụ cho một quán mà ba quán. Nếu nhìn hạt châu trong gương thì hạt châu với gương phi nhất phi dị dụ cho tâm cảnh là hai thứ mà chẳng phải hai, đây là chân giác. Diệu quán nghĩa là quán nhất niệm tâm là cảnh sở duyên, quán trở lại tâm này từ đầu đến và đi về đâu, sạch như hư không gọi là không quán; quán cảnh rõ ràng phân minh gọi là giả quán; tuy rõ ràng phân minh mà tính thường tự không, cảnh quán rõ ràng gọi là trung quán tức ba mà một, tức một mà ba. Nói nín đi đứng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng đồng chẳng khác, chẳng đến chẳng đi, chẳng có chẳng không, chẳng trụ chẳng trước, chẳng như chẳng sạch, chẳng ái chẳng thủ, chẳng hư chẳng thật, chẳng buộc chẳng mở, đều là tên gọi sai biệt chẳng sinh chẳng diệt, nghĩa không sai khác, tức không mà chẳng trụ không, tức giả mà chẳng trụ giả, tức trung mà chẳng trụ trung mới gọi là trung. Vì sao ? Vì tức không thì không có gì để trụ; tức giả thì bóng huyễn hóa có gì để trụ; hai bên đã không trụ thì làm gì có trung để trụ cho nên nói tam đế vô trụ gọi là trung. Được như thế, trong không không có không chỉ cần đừng không; trong giả không có giả chỉ cần đừng giả, trong trung không có trung chỉ cần đừng trung. Phải chiếu soi như thế, trong chiếu không có chiếu, chỉ cần đừng chiếu. Nếu thấy được lý ấy liền thấy vạn vật tự rỗng không.

Tam quán này là cảnh giới bất tư nghì, nếu thiếu một quán cảnh thì trí không thành, cho nên nói bất tư nghì gồm thấu tất cả pháp. Tất cả tuy nhiều song mười pháp giới thấu hết. Nếu đã viên dung thì một đủ mười tạo thành trăm pháp giới. Một giới có đủ mười như. Một như lại đủ ba thứ thế gian, nghĩa là ngũ ấm, chúng sinh, quốc độ. Nghìn như thì có ba nghìn thế gian gọi là bất tư nghì giả. Giả tức không tức trung. Nếu không có trung nhiếp thì lý chẳng khắp. Nếu không có mười giới thấu thì sự chẳng tận. Nếu không có mười như thì nhân quả chẳng có. Nếu không có ba thứ thế gian thì y chính chẳng đủ, cho nên biết thật tướng đều gồm cả các pháp trùng trùng vô tận, viên dung vô ngại như Đế võng gọi là cảnh giới

bất tư nghi. Phàm Thánh đều có lý này nên nói rằng tam thiên của ta bao trùm tam thiên của người khác. Tam thiên của kẻ khác bao trùm lẫn nhau cũng thế, cho nên được y chính trọn ngày sáng rõ không phân biệt, pháp giới trong sáng là hiển bày cảnh giới này, cho nên nói quán cảnh bất tư nghi.

Tam Quán tụng ghi:

Không quán như tính bất khả đắc

Giả quán bao gồm pháp giới biên

Trung quán thể đồng lý không hai

Tức một mà ba thường rõ ràng.

Không quán là rõ các pháp không tự tính.

Giả quán là cái không này đầy đủ các pháp.

Trung quán là không giả không thể nào khác, vì chỉ có một chân tâm.

Vì không là tính của tâm, tức là chân không chẳng phải là đăn không; vì giả là tướng của tâm tức là diệu giả chẳng phải là thiên giả. Tính tướng chia ba mà chẳng phải ba, chân tâm chỉ một mà chẳng phải một. Chẳng phải một mà tam quán rõ ràng, chẳng phải ba mà nhất tâm chẳng động.

Lại tức một mà ba tướng chẳng đồng cũng như thể gương tuy một mà có ánh sáng ảnh tượng sai khác; tức ba mà một thể không khác cũng như ánh sáng ảnh tượng cùng đồng một gương.

Người xưa giải thích nghĩa của tam quán như sau: Một niệm tâm khởi, khởi không có tướng khởi, triệt để chỉ là không, ba thuở vắng lặng, trọn bất khả đắc; không có tướng thấy nghe hay biết, không có tướng mắt, tai mũi, lưỡi, thân, ý, đây gọi là không quán.

Một niệm tâm khởi có ba nghìn tướng thế gian, một nghìn quốc độ thế gian, đất đai, sông, núi, mặt trời, trăng sao, một nghìn ngũ âm thế gian, tất cả sắc tâm nhiễm tịnh, một nghìn chúng sinh thế gian đó là lục phàm tứ Thánh bản chất hư giả. Một niệm tâm khởi ba nghìn tính tướng đồng thời khởi; một niệm diệt ba nghìn tính tướng đồng thời diệt. Ngoài niệm không có một pháp để được,

ngoài pháp không có một niệm để được. Tâm tính này viên minh một mà có thể nhiều, nhỏ mà có thể lớn, nhiệm mà có thể tịnh, nhân mà có thể quả, có mà có thể không, cho nên mỗi mỗi sắc, mỗi mỗi hương, mỗi mỗi niệm đều có tâm tức có đủ ba nghìn. Một chỗ thấy nhiều, nhiều chỗ thấy một, một niệm là nhiều kiếp, nhiều kiếp là một niệm, trùng trùng hiển hiện dụ như lưới báu trời Đế Thích, đây là giả quán.

Một niệm tâm khởi, khởi mà không khởi, ba thuở vắng lặng; không khởi mà khởi ba nghìn tính tướng chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, đây là trung quán. Lúc nói thì có ba tên gọi, lúc quán chiếu chẳng thấy ba hoặc một, chỉ luôn luôn thấy tâm tính mình, nhiệm vận chẳng phải ba chẳng phải một, cũng không cần phá trừ thân tâm, cũng không cần an lập cảnh quán, chỗ đoạn trừ niệm tướng, lúc nào tâm cũng thường tam quán. Những người không có căn cơ viên đốn tự cho rằng mình là phàm phu nhơ ối, nhiều phiền não, trí tuệ yếu kém, đây là con mắt bệnh thấy hoa đốm trong hư không, thật ra trong hư không làm gì có hoa đốm. Người căn cơ viên đốn quán rõ ràng, chạm việc hành xử như Cổ Phật, dù chưa phải là Phật. Vì sao ? Pháp tính viên lý ba đức ba thân chỉ là một niệm không thể phân. Viên lý này cũng không có ngôi vị, vì người chưa thể quán thuần thực và tương tục, ngã tính chưa phá, hoặc phá chưa hết, chia ra bốn mươi hai vị lục tức, đạt được không, tiến đến vô tu. Hoặc có người cho rằng phàm phu chỉ có thể tính pháp thân Phật chưa có đức dụng của báo hóa, đây là kiến giải theo Biệt giáo. Viên quán ba thứ hoặc nghiệp khổ vốn không có tự tính, toàn là ba đức. Ba đức vốn không chỗ trụ, trụ trong hoặc nghiệp khổ; ba thân ba đạo đều là giả danh, trong tất cánh không hoàn toàn bất khả đắc, không ác để bỏ, không đạo để chúng; vừa thấy có một chút lý để nương gá liền thành vọng cảnh lôi kéo sinh tâm, đây là chẳng biết rõ tam quán.

Người học đạo ghét tham sân si tác ý đoạn trừ, đâu biết rằng tâm ghét ác này chính là lậu hoặc. Nếu vừa giác khởi liền chiếu soi

chỗ sinh khởi tự vô tính không thể lấy bỏ, đây là biết rõ tam quán. Nếu riêng nghĩ cách đối trị, riêng có tướng chân như thật tướng, riêng có tướng Phật, Bồ-tát, riêng có tướng vận dụng thân tâm đầy khắp pháp giới đều chẳng phải ý chỉ viên đốn. Người có căn cơ viên đốn thì ngay niệm là vô niệm. Nếu cho rằng có thể giác trí phân biệt là tâm thì đây là mầm mống của tâm, chẳng phải là tâm tính. Cho nên nói rằng động là mầm mống của Phật, tịch là cội rễ của Phật.

Tâm tính là lúc biết rõ tam quán, lúc ấy không thấy có hữu tình vô tình, Phật và chúng sinh, tội phước, quán cái ngã ở trong, ở ngoài, ở giữa đều không thể được.

Nếu không biết rõ ba quán thì vọng tình chấp Phật tính ở trong thân hoặc khắp cỏ cây, kinh điển gọi là biến kế sở chấp tính mà ngoại đạo hướng về; trong khi tứ giáo còn không tiếp nhận hướng chỉ những người có căn cơ viên đốn ?

Trung quán khó hiểu, nếu thấu suốt được thì rất vi diệu. Trung có hai thứ: một là dẫn trung và hai là viên trung. *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* nói về ý nghĩa của tám chỗ trả về, như phân tích tiền trần thì thấy không có chỗ trả về, thấy tính độc diệu đây gọi là dẫn trung. Còn kiến và kiến duyên vốn là bồ-đề diệu tịnh minh thể, vì sao ở nơi trong đó có thị phi, đây gọi là viên trung.

Lại không giả tức trung gọi là dẫn trung. Trung tức không giả, chẳng dẫn trung là viên trung. Như hai giáo Tạng Thông là dẫn không, tức là phân tích sắc thể trần quy về tự tính không. Như hai giáo Biệt Viên là bất khả đắc không, có đủ lý bất không trung đạo Phật tính. Phó đại sĩ có bài tụng:

Chỉ tinh diệu ấy thật ly danh

Tam quán nhất tâm gồm muôn pháp

Gai góc rừng rậm từ đâu sinh ?

Giải thích: Nếu hay nội quán phản chiếu tự tâm tinh diệu độc lập làm sao nói năng đến được ? Cho nên nói kỳ thật ly danh.

Rõ biết nhất niệm tâm không có chỗ sinh khởi gọi là không quán. Nơi cái không ấy thấy pháp duyên sinh dường như hiển hiện

nên nói rằng tất cả pháp. Tất cả pháp này chẳng phải ở nơi vô tính vô hình mà có hình tượng gọi là giả quán. Cầu không chẳng được không, tìm giả chẳng được giả, phi không phi giả toàn là nhất tâm gọi là trung quán. Niệm niệm đủ pháp tam quán, trần trần thành môn Phật trí cho nên nói rằng tam quán nhất tâm gồm muôn pháp. Khi được tam quán nhất tâm thì gai góc phiền não, rừng rậm ngũ âm, cội rễ sinh tử, gò nông ngã mạn từ đâu sinh khởi cho nên nói rằng gai góc rừng rậm từ đâu sinh ?

Phổ Hiền Quán ghi: Mười môn chỉ quán:

- 1- Tâm hành xứng lý điều phục tán loạn gọi là chỉ.
- 2- Chỉ chẳng ngưng trệ nơi tịch, chẳng ngại quán sự.
- 3- Do lý sự xen suốt mà đầy đủ, bèn làm cho chỉ quán vô ngại cùng vận hành.
- 4- Lý sự hình đoạt mà cùng dứt, cho nên chỉ quán đều mất mà không còn nương gá.
- 5- Bặt lý sự cảnh vô ngại, dứt chỉ quán tâm vô ngại, vì hai mà không hai nên chẳng ngại tâm cảnh mà một vị; vì không hai mà hai nên chẳng hoại một vị mà có tâm cảnh.
- 6- Do sự tức lý thâm tất cả pháp nên quán tức chỉ cũng thấy tất cả.
- 7- Do việc này là việc kia nên khiến chỉ quán thấy tâm này là tâm kia.
- 8- Do sáu môn trước là nhất đa tương nhập mà phi nhất; môn thứ bảy là nhất đa tương thị mà phi dị. Đây là nhị bất nhị đồng một pháp giới, trí của chỉ quán không hai liền thấy hai môn tức nhập đồng một pháp giới mà không tán động.
- 9- Do sự trùng trùng vô tận, chỉ quán đều phổ nhãn đồng chiếu.
- 10- Vì trí phổ môn này là chủ, lúc đón chiếu pháp giới phổ môn át nhiếp tất cả làm bạn vô tận vô tận.
